

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.

※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

비취업 서약서 CAM KẾT KHÔNG LÀM VIỆC

1. 신청인 인적사항

1. Thông tin cá nhân của người đăng ký

성명 Họ tên		국적 Quốc tịch	
생년월일 Năm, tháng, ngày sinh		성별 Giới tính	
입국목적 Mục đích nhập cảnh		연락처 Số điện thoại	
체류지 Nơi lưu trú			

2. 상기 본인(신청인)은 대한민국에 입국하여 방문동거(F-1-5) 자격으로 체류하는 동안 취업 등 출입국관리법령에 따라 허용되지 않는 활동을 하지 않을 것을 서약하며, 이를 위반할 경우에는 어떠한 처벌·처분도 감수하겠습니다.

2. Tôi (người làm đơn) cam kết không tham gia vào bất kỳ hoạt động nào không được phép theo Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý xuất nhập cảnh như làm việc, v.v. trong thời gian nhập cảnh và lưu trú tại Hàn Quốc theo diện thăm thân (F-1-5). Nếu vi phạm, tôi sẽ chịu mọi xử phạt, xử lý.

서약자(신청인) 성명 :

(서명 또는 인)

Họ tên người cam kết (người làm đơn) :

(Kí tên hoặc đóng dấu)

년 월 일
Năm tháng ngày

○○출입국 · 외국인청(사무소 또는 출장소)장 귀하

**Kính gửi Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, người nước
ngoài (văn phòng chính, văn phòng chi nhánh) ○○**

결혼이민자의 부모 등 가족으로서 방문동거(F-1-5) 자격으로 국내에 체류 중인 외국인은 「외국인 계절근로자 프로그램 기본계획」에 따라 체류자격외 활동허가를 받으면 그 허가 범위 내에서 취업할 수 있습니다.

Người nước ngoài đang cư trú tại Hàn Quốc dưới diện thăm thân (F-1-5) với tư cách là gia đình của người kết hôn định cư như bố mẹ, v.v. có thể làm việc trong phạm vi cho phép nếu được cấp phép tham gia vào các hoạt động khác ngoài tư cách lưu trú theo “Kế hoạch cơ bản cho Chương trình Người lao động nước ngoài theo thời vụ”.